

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường GPMB cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi dự án: Khu thể thao và các công trình dịch vụ phụ trợ tại phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH UBND THỊ XÃ BỈM SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;
Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
Căn cứ Thông tư số 37/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
Căn cứ Quyết định số 4545/2014/QĐ-UBND ngày 18/12/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc quy định bảng giá đất thời kỳ 2015-2019 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;
Căn cứ Quyết định số: 4437/2016/QĐ-UBND ngày 14/11/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;
Căn cứ Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 10/4/2015 của UBND thị xã Bỉm Sơn về việc phân định vị trí đất nông nghiệp thời kỳ 2015-2019 trên địa bàn thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa;
Xét đề nghị của Hội đồng bồi thường GPMB dự án về việc xin phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi dự án: Khu thể thao và các công trình dịch vụ phụ trợ tại phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường GPMB cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi dự án: Khu thể thao và các công trình dịch vụ phụ trợ tại phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa với những nội dung sau:

1. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB: 1.578.726.843đ.

(Một tỷ năm trăm bảy tám triệu bảy trăm hai sáu nghìn tám trăm bốn mươi ba đồng)

Trong đó:

1.1. Số tiền chi trả cho hộ: 1.547.771.415đ

- Bồi thường, hỗ trợ về Đất đai: 570.800.000đ

- Bồi thường, hỗ trợ về Vật kiến trúc: 6.142.200đ

- Bồi thường, hỗ trợ về Cây hoa màu: 970.829.215đ

1.2. Chi phí tổ chức thực hiện GPMB 2%: 30.955.428đ

2. Nguồn kinh phí: Từ nguồn vốn của Công ty TNHH xây lắp vận tải

Phục Hưng.

3. Bố trí tái định cư: Không.

4. Hỗ trợ di chuyển mồ mã: Không.

Điều 2. Hội đồng bồi thường GPMB theo chức năng đã quy định tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ, tổ chức bồi thường thiệt hại GPMB theo chính sách, chế độ nhà nước đã quy định. Thực hiện GPMB kịp thời gian, đảm bảo tiến độ thi công, công trình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký;

Chánh Văn phòng HĐND và UBND Thị xã; Trưởng các phòng QLĐT, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên & Môi trường, Kinh tế; UBND phường Ba Đình, Công ty TNHH xây lắp vận tải Phục Hưng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

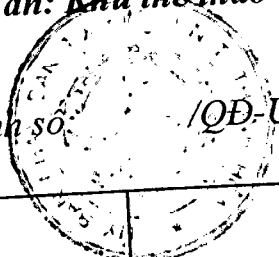
- Như điều 3QĐ;

- Lưu: VT.



Bùi Huy Hùng

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG GPMB
Dự án: Khu thương mại và các công trình dịch vụ phụ trợ tại phường Ba Đình,
thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số:  /QĐ-UBND ngày tháng năm 2017 của Chủ tịch UBND thị xã Bỉm Sơn)

STT	Họ và tên	Địa chỉ thửa đất thu hồi	Số thửa	Diện tích đất thu hồi GPMB (m ²)	Số tiền bồi thường về đất (đ)	Số tiền bồi thường, hỗ trợ về Vật kiến trúc (đ)	Số tiền bồi thường, hỗ trợ về cây hoa màu (đ)	Tổng tiền (đ)
1	Đỗ Quốc Bẩm Mai Thị Toán	Khu phố 4, P Ba Đình	20, 25	284.40	2.844.000	Không	15.209.000	18.053.000
2	Hoàng Văn Thìn Nguyễn Thị Quyên	Khu phố 4, P Ba Đình	8, 16	4.800.50	48.005.000	Không	98.147.873	146.152.873
3	Đỗ Văn Khoan Hoàng Thị Đoạt	Khu phố 4, P Ba Đình	6, 7	9.723.70	97.237.000	Không	160.277.787	257.514.787
4	Hoàng Văn Nhâm Trương Thị Phương	Khu phố 4, P Ba Đình	4, 5, 9, 11, 15, 28	18.844	188.440.000	Không	260.943.895	449.383.895
5	Ngô Minh Thư Ngô Thị Cải	Khu phố 4, P Ba Đình	18, 21, 23, 27, 29	3.811	38.110.000	Không	55.887.550	93.997.550
6	Lê Minh Dần Trần Thị Quyên	Khu phố 4, P Ba Đình	17, 26	325.10	3.251.000	Không	22.476.300	25.727.300
7	Hoàng Thị Phòng	Khu phố 4, P Ba Đình	22., 30	693.10	6.931.000	Không	11.530.500	18.461.500
8	Lê Phú Duy Lê Thị Định	Khu phố 4, P Ba Đình	13	5.087.20	50.872.000	Không	96.319.640	147.191.640
9	Lê Phú Lộc Nguyễn Thị Toan	Khu phố 4, P Ba Đình	12	1.007	10.070.000	Không	16.021.900	26.091.900
10	Lê Hữu Kiên Nguyễn Thị Loan	Khu phố 4, P Ba Đình	1	2.290.70	22.907.000	Không	44.162.405	67.069.405

11	Nguyễn Văn Nhiên	Khu phố 4, P Ba Đình	33	44.20	442.000	Không	405.000	847.000
12	Nguyễn Văn Trường Mai Thị Hợi Phạm Tiên Dung	Khu phố 4, P Ba Đình	14	6.520	65.200.000	6.142.200	128.618.215	199.960.415
13	Nguyễn Thị Lương	Khu phố 4, P Ba Đình	19, 24, 35, 37	3.540.70	35.407.000	Không	60.345.400	95.752.400
14	Trần Xuân Khôi Lê Thị Liên	Khu phố 4, P Ba Đình	34	108.40	1.084.000	Không	483.750	1.567.750
CỘNG				57.080	570.800.000	6.142.200	970.829.215	1.547.771.415
Chi phí 2% Hội đồng								30.955.428
Tổng Cộng								1.578.726.843